

KINH NGHIỆM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CÔNG GIÁO NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

(Tiếp theo kì trước)

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Bước vào thời kì đổi mới toàn diện đất nước, dựa trên những quan điểm đường lối của Đảng như Nghị Quyết 24/TW (16/10/1990), Chỉ thị 37 (2/7/1998), Nghị quyết 25/TW ngày 12/3/2003, các văn kiện Đại hội Đảng lần VII, VIII, IX, X, XI. Ở phần quan điểm, đường lối của Đảng từ khi Đổi mới đến nay chúng tôi có dịp phân tích, trình bày nên không nhắc lại ở phần này. Tuy nhiên có hai điểm cần chú ý có tác động không nhỏ đến công tác tôn giáo đó là: 1 - Kể từ khi Đại hội Đảng lần thứ VII, cụm từ tín ngưỡng tôn giáo không viết liền mà có sự phân tách tín ngưỡng với tôn giáo bởi dấu phẩy. Vậy là có tới hai đối tượng phải điều chỉnh đó là tín ngưỡng và tôn giáo. Phải nói rằng chỉ để gọi ra và tách bạch hai vấn đề tưởng như đơn giản nhưng đó là một tiến trình. Năm 1955 Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo, Điều 1 ghi là quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng. Đến Đại hội lần thứ VI (1986) là tự do tín ngưỡng. Từ năm 1990 một số các nhà khoa học và giáo sĩ Công giáo đều cho rằng tự do tín ngưỡng nên hiểu là tự do niềm tin vào tôn giáo. Mà niềm tin thì ở trong đầu não con người

thì cần gì phải cho tự do. Và đến Đại hội VII mới có tách bạch, song nếu như nội hàm tôn giáo dù còn có tranh cãi nhưng cơ bản đã rõ, còn nội hàm tín ngưỡng mãi đến khi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ra đời nội hàm này mới tỏ tường. Tín ngưỡng được thể hiện trong Pháp lệnh là một đối tượng quản lí bao gồm các hoạt động và các cơ sở thờ tự. Điều 3, khoản 1 và 2 được dành để giải thích hai nội dung này.

Đại hội Đảng lần IX lần đầu tiên cụm từ: *"Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo"*, Đại hội Đảng lần thứ XI phần tôn giáo mở đầu viết: *"Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng"*.

Tuy nhiên không phải đến thời điểm này luật pháp về tín ngưỡng tôn giáo mới được đặt ra. Bởi trước đó, trong kì Đại hội Đảng lần thứ VI, đặc biệt là khi có NQ 24/TW (16-10-1990) một văn bản về luật pháp, tín ngưỡng ra đời; đó là Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) số 69-HĐBT, ngày 21/3/1991

^{*}. PGS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Quy định về các hoạt động tôn giáo, Nghị định gồm 3 chương 28 điều thay thế Nghị quyết 297-CP ngày 11/11/1977, đồng thời những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Do là một tôn giáo lớn, có nhiều vấn đề cần chế tài nên với Công giáo Nghị định có nhiều điều đối với tôn giáo này. Có những điều vấn đề của Công giáo được quy định chung với một số tôn giáo khác có cùng nội dung chế tài, cũng có vấn đề do tính đặc thù mà Nghị định chỉ dành riêng cho Công giáo.

Những điều nằm trong quy định chung với một số tôn giáo khác như

- Các cuộc tĩnh tâm của linh mục trong giáo phận, của các tu sĩ tập trung từ nhiều cơ sở dòng tu của đạo Thiên Chúa (Điều 9).

- Đại hội theo nhiệm kỳ và Hội nghị toàn quốc, từng vùng miền (Điều 10)

- Các chức sắc, nhà tu hành được hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội như mọi công dân khác... (Điều 15).

- Quy định về các hoạt động từ thiện (Điều 16).

- Quy định về quan hệ quốc tế (Điều 24).

Những điều Nghị định chỉ dành riêng cho Công giáo

Điều 21. Về dòng tu.

Qua 9 năm thực hiện Nghị định trước yêu cầu thực tế trong điều kiện Việt Nam đổi mới sâu rộng hơn, đặc biệt sau một thời gian thực hiện đã có những vấn đề đòi hỏi phải sửa đổi bằng một Nghị định mới. Đó là nguyên do để Nghị định 26/1999/NĐ/CP ngày 19/4/1999 của Chính phủ Về các hoạt động tôn giáo. Nghị

định gồm 3 chương 29 điều nhiều hơn Nghị định 69 một điều.

Một cách cơ bản những Điều trong NĐ 26 bám sát những điều trong NĐ 69 nhưng chi tiết hơn, cụ thể hơn để dễ thực hiện. Và NĐ 26 còn có một số Điều, khoản mới vừa thể hiện tiến trình nhận thức đổi mới vừa thể hiện tính “từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo” mà Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra. Xin ví dụ:

Điều 8:

1 - Tổ chức tôn giáo có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo, cơ cấu tổ chức phù hợp với pháp luật được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoạt động thì được pháp luật bảo hộ.

...

4 - Tổ chức tôn giáo được tạo nguồn tài chính từ sự ủng hộ tự nguyện của cá nhân, tổ chức, từ những thu nhập hợp pháp khác...

Điều 11:

3 - Nhà, đất và các tài sản khác đã được tổ chức, cá nhân tôn giáo chuyển giao cho các cơ quan Nhà nước quản lý, sử dụng do thực hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tặng, hiến cho Nhà nước thì đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 25.

1 - Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo theo pháp luật Việt Nam. Việc tập trung

thành nhóm riêng để sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở thờ tự phải được phép của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2 - Tổ chức cá nhân nước ngoài, kể cả tổ chức, cá nhân tôn giáo, vào Việt Nam để hoạt động ở các lĩnh vực không phải là tôn giáo thì không được tổ chức, điều hành các hoạt động tôn giáo, không được truyền bá tôn giáo.

Trong 3 điều mới, có 2 điều liên quan trực tiếp đến Công giáo đó là vấn đề nhà, đất và người nước ngoài cư trú hợp pháp ở Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo như thế nào. Đây có thể nói là hai vấn đề “nóng” và hiện nay vẫn phức tạp.

Ngày 18/6/2004 Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An thay mặt ủy Ban Thường vụ Quốc hội ký Pháp lệnh số 21/2004/PL-UBTVQH 11 Quy định về các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Ngày 29/6/2004, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký sắc lệnh số 18/2004/CTN về công bố *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội. Pháp lệnh gồm 6 chương, 41 điều. Pháp lệnh có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2004.

“Thứ nhất, Pháp lệnh thể chế hóa đường lối chủ trương chính sách của Đảng thể hiện trong Nghị quyết Đại hội Đảng IX tháng 3 năm 2001 và những nội dung công tác tôn giáo được xác định trong NQ 25/TW ngày 12/3/2003, nhất là quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp, giải quyết vấn đề tôn giáo ở nước ta trong thời kỳ mới.

Thứ hai, Pháp lệnh xây dựng trên cơ sở tổng kết sâu rộng quá trình thực hiện chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và các pháp luật khác nhau liên

quan đến lĩnh vực này; kế thừa Sắc lệnh 234/SL của Hồ Chủ tịch ngày 14/6/1955 về vấn đề tôn giáo; kế thừa và phát huy những quy phạm pháp luật đã được thực thi, mang tính ổn định được xã hội thừa nhận; dẫn chiếu những quy định pháp luật mới nhất về các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (Luật Đất đai, Luật Giáo dục, Luật Di sản văn hóa...)

Thứ ba, tính tương thích với luật pháp quốc tế, điều chỉnh lĩnh vực hoạt động tôn giáo và quyền con người, nhất là những điều ước mà Việt Nam đã tham gia ký kết và gia nhập”⁽¹⁾.

Những điểm mới đối với vấn đề Công giáo trong Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo

- Giáo xứ của Công giáo được gọi là tổ chức tôn giáo cơ sở. (khoản 4, Điều 3).

- Quy định thế nào là hoạt động tôn giáo. (khoản 5, Điều 3).

- Quy định thế nào là Hội đoàn tôn giáo. (khoản 6, Điều 3).

- Các khoản 7, 8, 9, 10 Điều 3 quy định về cơ sở tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc.

- Điều 16, khoản 2: quy định thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo.

- Điều 16 khoản 3, quy định việc đăng ký hoạt động tôn giáo.

Đặc biệt điều 17 chế tài một vấn đề nổi cộm của Công giáo đó là việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức tôn giáo.

Điều 19 - Quy định về Hội đoàn.

1. Bùi Đức Luận. *Vài nhận thức trong quá trình xây dựng Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4/2004.

Điều 33, quy định về hoạt động văn hóa - xã hội.

Sau khi Pháp lệnh ra đời, Nghị định của Chính phủ số 22/2005/NĐ-CP, ngày 01/3/2005 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành.

Như vậy, trong bối cảnh đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế, trên cơ sở đổi mới quan điểm, nhận thức, đường lối, Nhà nước cũng đã có những bước chuyển đổi quan trọng trong việc ban hành chính sách tôn giáo nói chung và chính sách đối với Công giáo một tôn giáo lớn, có nhiều nét đặc thù nói riêng. Chính sách ấy luôn bám sát thực tế, bám sát những vấn đề đặt ra trong cuộc sống dân tộc cũng như của Công giáo. Khi một Nghị định ra đời, sau một thời gian thực hiện lại có sự điều chỉnh hoặc ban hành những chế định mới cho phù hợp hơn, sát hợp hơn đối với công tác tôn giáo - Công giáo. Với Công giáo tất cả các Nghị định đều có những điều khoản riêng bởi tính đặc thù của tôn giáo này.

Từ Nghị định đến Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo là một chặng đường của tiến trình nhận thức về chính sách của Đảng và Nhà nước. Chỉ riêng minh định giữa tín ngưỡng và tôn giáo cũng đã cho thấy rõ điều đó. Có thể nói với việc ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo cho thấy Nhà nước luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng đồng thời bám sát luật pháp quốc tế nhất là quyền con người trên lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Do là một đất nước đa tôn giáo nên luật pháp về tôn giáo luôn chú ý đến tính đặc thù của mỗi tôn giáo mà đối với

Công giáo như trình bày ở trên là ví dụ điển hình. Cùng với thời gian nhiều vấn đề chế định đối với hoạt động của Công giáo được luật pháp quy định cụ thể hơn, rõ ràng hơn và cởi mở hơn. Đặc biệt là những vấn đề như hội đoàn, dòng tu, đất đai, cơ sở thờ tự, quan hệ quốc tế, chia tách, sáp nhập thành lập xứ, họ đạo... Cho nên luật pháp về tôn giáo ngày càng nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo tầng lớp giáo sĩ, tu sĩ và tuyệt đại quần chúng tín đồ. Đồng bào theo Công giáo ngày càng tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tích cực tham gia phong trào cách mạng theo đường hướng "Kính Chúa, yêu nước" và "Sống tốt đời, đẹp đạo".

III - QUAN TÂM, TẠO ĐIỀU KIỆN CHO CÔNG GIÁO HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO BÌNH THƯỜNG THEO CHÍNH SÁCH, LUẬT PHÁP. CHÚ TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG QUỐC TẾ, ĐẶC BIỆT LÀ ĐỐI VỚI VATICAN

3.1. Điều căn bản của mỗi tôn giáo mà Công giáo không nằm ngoại lệ trong hoạt động tôn giáo, đó là: *Hành đạo, quản đạo và truyền đạo*. Cả ba lĩnh vực này, luật pháp của Nhà nước thể hiện qua các Nghị định và Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo là luôn hoàn thiện trong điều kiện, hoàn cảnh thực tế tạo điều kiện cho Công giáo hoạt động bình thường.

Với *hành đạo*, thực hành các nghi lễ tôn giáo cụ thể là Thánh lễ, thực hành giáo lý, giáo luật được xem là quyền của mỗi tín đồ và được Nhà nước tôn trọng, đảm bảo để hoạt động được bình thường. Đây là điều quan trọng nhất, cốt lõi nhất

không chỉ với hành đạo mà là với toàn bộ hoạt động tôn giáo.

Sắc lệnh về Vấn đề tôn giáo (1955) (từ đây gọi tắt là *Sắc lệnh*), Nghị định 69, Nghị định 26 và Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (từ đây gọi tắt là *Pháp lệnh*) đều dành Điều 1 cho vấn đề này. Điều đó cho thấy đây là vấn đề then chốt đối với mỗi tôn giáo trong đó có Công giáo. Song ở mỗi văn bản việc quy định cụ thể lại khác nhau theo một tiến trình ngày càng chi tiết hóa, và ngày càng rộng mở, sát hợp với thực tế trong nước cũng như hội nhập quốc tế. Ở *Sắc lệnh* chỉ có một Điều duy nhất - Điều 1, với Nghị định 69, Nghị định 26 còn là những quy định về các cuộc tĩnh tâm - Điều 9 (cả hai Nghị định đều có điều này và chung một nội dung), đến *Pháp lệnh* nhiều vấn đề được cụ thể hơn qua các điều khoản như Điều 9 về quyền được bày tỏ đức tin, thực hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện, lễ hội, lễ nghi, học tập giáo lý. Điều 11. Chúc sắc, nhà tu hành được thực hiện lễ nghi tôn giáo như thế nào. Các Điều 10, Điều 11, Điều 13, Điều 14 quy định trách nhiệm của người thực hiện tín ngưỡng tôn giáo và chế tài khi vi phạm. Một điểm đáng chú ý là tại điều 37 có nội dung: Người nước ngoài khi vào Việt Nam... được tạo điều kiện sinh hoạt tôn giáo tại các cơ sở tôn giáo như tín đồ tôn giáo Việt Nam. Nội dung này thể hiện chính sách cởi mở về tôn giáo trong điều kiện đất nước ngày càng có nhiều người nước ngoài, trong số họ có một bộ phận là tín đồ Công giáo đến làm ăn hoặc du lịch... tại Việt Nam. Điều 12 là quy định về việc đăng kí chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo và các

cấp thuộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Tiếp đến, Nghị định 22 lại có những điều giải thích cụ thể hơn với *quản đạo* nghĩa là quản lý mọi hoạt động tôn giáo của Công giáo. Với *Sắc lệnh* là các Điều 5, Điều 8, Điều 9; Nghị định 69 là Điều 10, Điều 16, Điều 17, Điều 10, Điều 20, Điều 21; Nghị định 26 là Điều 10, Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21; *Pháp lệnh* là Điều 17, 18, 19, 20, 22, 23, 24, 25. Nếu chỉ nhìn số Điều quy định tăng lên theo trình tự các văn bản thì đó chỉ là cái nhìn cơ học, song một thực tiễn cho thấy số điều tăng một mặt để chi tiết, để cụ thể hóa và còn để thêm những nội dung cần thiết cho việc điều chỉnh hoạt động hành đạo của Công giáo. Bởi cùng với thời gian và tiến trình đổi mới cũng như nhu cầu thực tế đòi hỏi hoạt động quản đạo của Công giáo ngày càng trở nên đa dạng.

Pháp lệnh ra đời chưa đầy một năm sau, nếu tính từ ngày *Pháp lệnh* có hiệu lực 15/11/2004 thì chỉ hơn 3 tháng sau, ngày 1/3/2005 Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP, *Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. Nghị định gồm 5 chương, 38 điều giải thích, chi tiết hóa những Điều được quy định trong *Pháp lệnh*. Trong 5 chương thì Chương III và Chương IV là hai chương cụ thể, chi tiết những quy định về tổ chức tôn giáo và hoạt động tôn giáo. Mỗi chương lại chia thành từng mục, mỗi mục lại có những Điều quy định. Sau đây chúng tôi lần lượt đi vào từng mục và mỗi mục chỉ dẫn những điều có liên quan đến Công giáo. Chương III. Tổ chức tôn giáo gồm 6 mục.

Mục 1: Đăng kí hoạt động, công nhận tổ chức tôn giáo, không có Điều nào liên quan đến Công giáo.

Mục 2: Thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc, gồm 2 Điều (9-10).

Mục 3: Đăng kí hội đoàn, dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác gồm 2 Điều (11-12).

Mục 4: Thành lập, giải thể trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo, gồm 3 điều (13, 14, 15).

Mục 5: Phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo gồm 2 Điều (16, 17).

Mục 6: Thuyên chuyển nơi hoạt động của chức sắc, nhà tu hành gồm 2 Điều (18, 19).

Chương IV: Hoạt động tôn giáo, gồm 8 mục.

Mục 1: Đăng kí hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở, gồm 2 Điều (20, 21).

Mục 2: Đăng kí người vào tu, 1 Điều (22).

Mục 3: Hội nghị, Đại hội của tổ chức tôn giáo gồm 3 Điều (23, 24, 25).

Mục 4: Các cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở, gồm 1 Điều (26).

Mục 5: Giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo, gồm 1 Điều (27).

Mục 6: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình kiến trúc tôn giáo gồm 2 Điều (28, 29).

Mục 7: Tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo gồm 1 Điều (30).

Mục 8: Quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc gồm 5 Điều (31, 32, 33, 34, 35).

Nhìn vào số liệu dẫn ra ở trên cho thấy ngoài những điều quy định chung cho các tôn giáo trong đó có Công giáo, do tính đặc thù còn có những Điều, khoản quy định chủ yếu hoặc chỉ dành cho Công giáo như Điều 9, Điều 10: Thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc, Điều 11, Điều 12: Đăng kí hội đoàn, dòng tu, tu viện, và các tổ chức tu hành tập thể khác, Điều 22: Đăng kí người vào tu.

Với truyền đạo: Truyền đạo là một trong những hoạt động quan trọng của hoạt động tôn giáo đối với bất kì tôn giáo nào mà Công giáo không nằm ngoại lệ. Lĩnh vực truyền đạo thật đa dạng nhưng quan trọng nhất là việc mở trường đạo tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo, bởi đây là lực lượng chủ đạo của truyền đạo. Tất nhiên mọi tín đồ đều có trách nhiệm về hoạt động này. Sắc lệnh Điều 5, Nghị định 69 Điều 17, Nghị định 26 Điều 18, Pháp lệnh Điều 24. Với Pháp lệnh Điều 13 còn ghi rõ: Khoản 1 - Người đang chấp hành án phạt tù hoặc đang bị quản chế theo quy định của pháp luật thì không được ... truyền đạo.

Khoản 2: Đối với người đã chấp hành xong các hình phạt hoặc biện pháp xử lí hành chính quy định tài khoản 1 Điều này, chỉ sau khi được tổ chức tôn giáo đăng kí hoạt động và được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mới được... truyền đạo.

Thứ đến là việc xuất bản, in, phát hành các loại kinh sách hoặc sản xuất đồ dùng phục vụ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được quy định tại Điều 4 Sắc lệnh, Điều 14 Nghị định 69 và Nghị định 26, Điều 32 Pháp lệnh.

Giáo hội Công giáo ngày càng xây dựng được một đội ngũ giáo lý viên đông đảo. Họ không chỉ giảng dạy giáo lý mà còn tham gia vào việc truyền đạo. Tài liệu dẫn ở trên cho thấy, Giáo phận thành phố Hồ Chí Minh đến thời điểm 2009 có tới 5000 giáo lý viên/ 662.142 tín đồ. Tại giáo phận này còn có tổ chức mục vụ truyền giáo chuyên trách. Đặc biệt có tới 25 tổ chức tông đồ giáo dân, mà một trong những nhiệm vụ là hoạt động truyền giáo.

Về hoạt động truyền đạo: Pháp lệnh dành một Điều, Điều 11 với 2 khoản quy định. Khoản 1: Chức sắc và nhà tu hành được...truyền đạo tại các cơ sở tôn giáo; Khoản 2: Trường hợp truyền đạo ngoài quy định tại khoản 1 Điều này phải có sự chấp thuận của ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Đây là một bước tiến trong luật pháp về tôn giáo ở nước ta.

Hoạt động truyền đạo của Công giáo Việt Nam một mặt nằm trong chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo như đã đề cập ở phần trên, mặt khác do chính sách ngày càng cởi mở đã là điều kiện tốt cho Giáo hội Công giáo hoạt động trên lĩnh vực này. Trong những năm qua tân tín đồ không chỉ phát triển trong người kinh mà còn phát triển trong cư dân dân tộc thiểu số như Jarai (Gia Lai), Hmông ở Tây Bắc, Chăm ở Bình Thuận, Ninh Thuận.

Giáo hội Công giáo hiện không rơi vào tình cảnh như một số Giáo hội Công giáo các nước Tây Âu phải tái truyền giáo hay Tân Phúc âm hóa.

Như vậy, từ quan điểm, đường lối đến chính sách, Đảng và Nhà nước ta đều chú ý đến tính đặc thù của mỗi tôn giáo trong đó có Công giáo. Điều này thể hiện tính biện chứng, cụ thể và sát thực của Đảng và Nhà nước ta. Việc thực hiện hai Nghị định nhất là thực hiện Pháp lệnh từ năm 2004 đến nay trên thực tế đạt được nhiều kết quả trong các lĩnh vực.

Đó trước hết là việc giản tiện trình tự, thủ tục thời hạn giải quyết các hồ sơ, giấy tờ. Một số hoạt động cụ thể của Công giáo mà trước khi có Pháp lệnh trở thành những vấn đề bức xúc thì nay cơ bản đã được đáp ứng như: Vấn đề thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc, đăng ký hội đoàn, dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác, đăng ký người vào tu, vấn đề người nước ngoài là tín đồ Công giáo được tham dự lễ nghi tôn giáo, chức sắc tôn giáo nước ngoài được tham gia hoạt động tôn giáo. Đã khắc phục được một cách cơ bản vấn đề một số giáo phận thuộc giáo tỉnh Hà Nội thiếu linh mục quản nhiệm giáo xứ, từ nhiều năm nay không còn tình trạng trống tòa ở một số giáo phận. Hoạt động tôn giáo cụ thể là nghi lễ, lễ hội... ngoài cơ sở thờ tự được cụ thể, chi tiết theo tinh thần quan tâm, tạo điều kiện mà báo cáo Chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đề ra. Hầu hết các cơ sở thờ tự và nhiều cơ sở tôn giáo khác của Công giáo đều được sửa chữa, nâng cấp, làm mới.

Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh, một giáo phận đông tín đồ, dòng tu và đời sống đạo sôi nổi, đông nhất trong các giáo phận thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam, từ sau đổi mới nhất là chục năm trở lại đây dưới ánh sáng của quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, chính sách của Nhà nước ta về tôn giáo đã có những chuyển biến ở hầu hết các lĩnh vực của đời sống đạo. Trả lời của Hồng y, Tổng Giám mục Giáo tỉnh thành phố Hồ Chí Minh G.B. Phạm Minh Mẫn với Tom Fox chủ bút National Catholic Reporter phần nào phản ánh điều đó.

Về sự tăng trưởng của gia đình Giáo phận

	GIÁO XỨ	GIÁO DÂN	LINH MỤC TRIỀU	LINH MỤC DÒNG	TU SĨ
1998	191	524.281	234	169	2.655
2009	200	662.148	318	327	4.754

Về đào tạo linh mục

Từ năm 2007 không còn phải xin phép cho việc nhận ứng sinh linh mục mới, cho việc phong chức linh mục, cho việc chuyển chuyển linh mục trong giáo phận. Trước kia 2 năm chiêu sinh 20 người, nay thì hàng năm 20 người. Hiện nay, còn gần 300 bạn trẻ trong thành phố này đang xếp hàng chờ ngày được nhận vào đại chủng viện. Trong những năm tới, con số ứng sinh linh mục sẽ là 140 cho Sài Gòn và 140 cho Phú Cường và Mỹ Tho tổng cộng là 280 tu học chung trong Đại chủng viện Sài Gòn. Trong 12 năm qua, mỗi năm có 10 tân linh mục. Sau 4 năm nữa, hi vọng con số sẽ là gần 20 mỗi năm.

Về tu sĩ

Từ 4 năm nay, tu sĩ nam, nữ không còn phải xin phép để nhập

Về vấn đề đào tạo nhân sự

Hiện nay trong giáo phận có đến 10 học viện lo huấn luyện nam, nữ tu sĩ

Về bổ nhiệm giám mục

Thông thường, các giám mục đề xuất danh sách ứng viên và gửi cho Vatican. Vatican chọn người và gửi tên cho Chính phủ Việt Nam có ý kiến. Sau đó Vatican công bố việc bổ nhiệm. Nói chung thì đến nay, bên cạnh nhiều trường hợp không có trở ngại, có vài trường hợp có gặp khó khăn. Thế nhưng Vatican cũng đã vượt qua.

Huấn luyện giáo dân

Trung tâm Mục vụ và Học viện Mục vụ của giáo phận được hình thành từ năm 2004 nhằm đáp ứng nhu cầu đó (mở rộng và nâng cao kiến thức đức tin và mục vụ) đặc biệt cho các tổ chức mục vụ giáo xứ (gồm 5000 thành viên Hội đồng giáo xứ, trên 5.000 giáo lý viên và nhiều thành viên của 900 ca đoàn thuộc 200 giáo xứ trong giáo phận), và 25 tổ chức tông đồ giáo dân. Hằng năm có trên 6000 lượt người qua những khóa, những lớp huấn luyện tại trung tâm mục vụ giáo phận, giúp cho giáo dân phát huy khả năng tham gia vào công cuộc xây dựng Giáo hội đổi mới đời sống đạo và đáp ứng nhu cầu mục vụ mới phát sinh. Ngoài ra cũng đã hình thành đến nay là 15 tổ chức mục vụ giáo phận, đáp ứng những nhu cầu mục vụ chuyên ngành. Thiếu Nhi, Giới Trẻ, Gia Đình, Di Dân, Giáo lý, Ôn Gọi, Phụng Tự, Thánh Nhạc, Truyền Giáo, Caritas, Truyền Thông, Văn Hóa Công Giáo, Giáo Dục Công Giáo, Đối Thoại Liên Tôn, Công Lý và Hòa Bình.

Bang giao giữa Giáo hội và Nhà nước

Hai lần đi Ad limina, các Giám mục Việt Nam đều được hai vị Giáo hoàng Gioan Phaolô II và Benedicto XVI nhắc nhở Giáo hội cần kiên trì trên con đường đối thoại và hợp tác với mọi thành phần trong xã hội, với cả Nhà nước, nhằm phục vụ cho Tin Mừng, cho sự sống con người, cho sự phát triển bền vững của đất nước⁽²⁾.

3.2. Chú trọng đến hoạt động quốc tế, đặc biệt đối với Vatican

Công giáo là một tôn giáo có mối quan hệ quốc tế mang tính đặc thù, đặc biệt là đối với Vatican. Theo Giáo luật thì Giáo hội Công giáo Việt Nam là một bộ phận của Vatican, đặt dưới sự cai quản của Vatican mà người đứng đầu là Giáo hoàng. Tiếp theo là quan hệ với những quốc gia có cư dân theo Công giáo như Pháp, Mỹ, Hàn Quốc, Philippin, v.v...

Quan hệ Giáo hội Công giáo Việt Nam với Vatican. Do hiểu được tính đặc thù nên ngay từ văn bản luật pháp đầu tiên, *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo* (14/6/1955), Điều 13 ghi: Riêng về Công giáo quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Tòa Thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo. Nội dung này thể hiện một nguyên tắc bất di bất dịch của Nhà nước Việt Nam là “không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo”. Theo Giáo luật cứ 5 năm một lần Giám mục Giáo phận phải về Rôma viếng bái hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô yết kiến Giáo hoàng (Điều 400 Bộ Giáo luật) được gọi là Ad limina. Từ năm 1980 vấn đề đi Ad limina được đặt ra có tính cách truyền thống với hàng Giám mục Việt Nam. Năm này có hai đoàn đi, đoàn thứ nhất do Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn dẫn đầu

(ngày 17 tháng 6), đoàn thứ hai do Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình dẫn đầu (ngày 9 tháng 9). Thời gian tiếp theo và những năm gần đây việc đi Ad limina đã trở nên bình thường đối với các mục tử.

Quan hệ quốc tế của Giáo hội Công giáo Việt Nam nằm trong quy định chung về quan hệ quốc tế của tôn giáo ở Việt Nam. Quan hệ ấy một mặt dựa trên nguyên tắc bất di bất dịch đã đề cập, còn có những nguyên tắc như Các nhà tu hành ngoại quốc... phải tuân theo pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Sắc lệnh, Điều 3); Mọi hoạt động quốc tế của các tổ chức tôn giáo và chức sắc, nhà tu hành phải tuân theo quy định chung của Nhà nước về hoạt động đối ngoại (NĐ 69, điều 22); Hoạt động quốc tế của tổ chức, cá nhân tôn giáo phải tuân thủ pháp luật và phù hợp với chính sách đối ngoại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, các bên cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên, pháp luật và thông lệ quốc tế (Pháp lệnh, Điều 6).

Về những vấn đề cụ thể, các văn bản luật pháp theo thời gian, cùng với tiến trình đổi mới phát triển và hội nhập đất nước mà ban hành những điều khoản quy định cụ thể. Sắc lệnh, Điều 3 quy định: Các nhà tu hành người ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép, thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam. Nghị định 69 có 4 điều dành cho quy định về hoạt động quốc tế của tổ chức tôn giáo. Điều 22 nói

2. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc* 1796 - Tuần lễ từ 25/2 đến 3/3/2011 tr. 6, 7, 17.

về nguyên tắc chung (đã dẫn ở bên trên) Điều 23 về việc nước ngoài phong chức, bổ nhiệm chức sắc, nhà tu hành Việt Nam. Điều 24 quy định tổ chức tôn giáo cử người tham dự các hoạt động tôn giáo nước ngoài và mời chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam. Điều 25 quy định về việc nhận viện trợ của tổ chức tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam. Nghị định 26 có 5 điều quy định về hoạt động quốc tế của các tổ chức tôn giáo Việt Nam. Điều 22 có 2 khoản, khoản 1 quy định các tổ chức tôn giáo phải báo cáo với Ban Tôn giáo Chính phủ về những hướng dẫn của tổ chức tôn giáo nước ngoài. Khoản 2 quy định chức sắc, nhà tu hành tôn giáo được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ. Điều 23 quy định về nguyên tắc hoạt động quốc tế của các tổ chức cá nhân, tôn giáo ở Việt Nam (đã trình bày ở trên). Điều 24 quy định khoản 1, tổ chức tôn giáo ở trong nước mời tổ chức cá nhân tôn giáo ở nước ngoài vào Việt Nam. Khoản 2, tổ chức, cá nhân nước ngoài có tôn giáo hoặc không tôn giáo vào Việt Nam không được truyền bá tôn giáo. Điều 26 quy định hoạt động viện trợ của các tổ chức của các tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo nước ngoài ở Việt Nam. Pháp lệnh dành chương V với tiêu đề *Quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc* gồm 4 điều. Điều 34 Quy định nguyên tắc chung (đã trình bày ở trên), Điều 35 Quy định những hoạt động tôn giáo quốc tế nào có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo (gồm 2 khoản), Điều 36 Quy định chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài có

quyền lợi và nghĩa vụ gì, Điều 37 quy định người nước ngoài vào Việt Nam nếu tham gia các hoạt động tôn giáo thì phải thực hiện như thế nào. Vậy là các quy định về quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc, ngày càng cụ thể, rộng mở thể hiện tinh thần đổi mới của Đảng ta. Hoạt động quốc tế của Công giáo Việt Nam như phần trên đã phân tích về tính đặc thù do đó trở nên sôi động và được đáp ứng toàn diện. *Thông cáo Hội đồng Giám mục Việt Nam họp lần thứ VII* phần Đối ngoại cho biết: Những năm qua, nhờ có sự giúp đỡ của Nhà nước, Hội đồng Giám mục Việt Nam vẫn tham gia sinh hoạt đặc biệt của Hội thánh toàn cầu⁽³⁾. Đó là các hoạt động của các giám mục di dự Thượng Hội đồng Giám mục Thế giới đặc biệt hay thường kì, Thượng Hội đồng Giám mục á Châu, đi tham quan chữa bệnh, các linh mục, tu sĩ đi tu nghiệp, thăm thân, các nữ tu đi hội họp, giao lưu với các “dòng mẹ” ở nước ngoài. Giáo hội Công giáo Việt Nam còn đón tiếp hàng chục các đoàn tôn giáo - Công giáo nước ngoài đến thăm và làm việc tại Việt Nam.

IV - CHỦ ĐỘNG PHÒNG NGỪA, KIÊN QUYẾT ĐẤU TRANH VỚI NHỮNG HÀNH VI LỢI DỤNG TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO ĐỂ MÊ HOẶC, CHIA RẼ, PHÁ HOẠI KHỐI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Do tính đặc thù của tôn giáo ở Việt Nam nói chung và Công giáo ở Việt Nam nói riêng trong lịch sử và hiện tại luôn bị các thế lực thù địch lôi kéo giáo sĩ, giáo dân, nhà tu hành vào các hoạt động

3. Trần Anh Dũng (chủ biên). *Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam 1960 - 1995*, không rõ Nxb, tr. 320.

chính trị đen tối chống lại Nhà nước Việt Nam. Đồng thời, tôn giáo còn bị lợi dụng vào những hoạt động “buôn thần, bán thánh” đầu cơ trục lợi (cả về trục lợi chính trị). Do đó một mặt nhà nước Việt Nam luôn quan tâm, tạo điều kiện cho tác tôn giáo hoạt động bình thường theo pháp luật trong nước và những quy định quốc tế, mặt khác còn chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Phương châm của Đảng và Nhà nước ta là lấy phòng ngừa làm chính. Trong phòng ngừa thể hiện những việc làm cụ thể sau. Thứ nhất: từng bước hoàn thiện luật pháp về tôn giáo (đã trình bày ở phần trên, ở đây chỉ có tính chất điểm xuyết). Bởi Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền, điều hành đất nước bằng luật pháp. Luật pháp càng hoàn thiện thì càng tránh xảy ra những điều bất hợp lý từ cuộc sống tôn giáo. Vì từ những điều bất hợp lý sẽ kéo theo nhiều hệ lụy khác. Thứ hai: Nắm bắt kịp thời những diễn biến về đời sống tôn giáo, qua đó bổ sung điều chỉnh hoặc ban hành những văn bản mới về luật pháp tôn giáo để luật pháp bám sát thực tiễn đặc biệt là đi vào thực tiễn với hiệu quả cao. Thứ ba: Tạo điều kiện thuận lợi cho tôn giáo hoạt động bình thường theo luật pháp. Khi có vấn đề bức xúc xảy ra ở cơ sở, kịp thời tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu để rồi từ đó tháo gỡ qua các văn bản luật pháp cũng như những việc làm cụ thể. Với Công giáo nổi lên là vấn đề đất đai, cơ sở thờ tự, là việc chia, tách, sáp nhập, thành lập tổ chức xứ, họ đạo, là

vấn đề dòng tu, hội đoàn, đào tạo chủng sinh... Những phân tích và số liệu dẫn ra ở phần trình bày bên trên đã cho thấy điều đó nên thiết tưởng không cần nhắc lại.

Khi những nhu cầu bức xúc được tháo gỡ thì sẽ không còn điểm nóng tôn giáo, tín đồ được giải quyết nguyện vọng kịp thời sẽ tin tưởng vào đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời cũng không còn đất “dụng võ” cho các thế lực lợi dụng tôn giáo trong và ngoài nước dựa vào.

Đối với những vụ việc Công giáo xảy ra, việc giải quyết của chính quyền các cấp cũng như về phương diện vĩ mô - Nhà nước, là phải *Thượng tôn pháp luật*. Giải quyết công việc phải dựa trên pháp luật mà Nhà nước Việt Nam đã ban hành. Tuy nhiên chưa bao giờ cách giải quyết vụ việc tôn giáo của các cơ quan thực thi pháp luật xơ cứng và quá nệ luật. Thông thường các cơ quan thực thi pháp luật biết lắng nghe và được dựa trên tinh thần đối thoại thẳng thắn và cởi mở, cùng hợp tác để giải quyết. Khi giải quyết những vụ việc tôn giáo, nhất là những vụ việc phức tạp, có đông quần chúng tín đồ tham gia và vấn đề đang ở thời điểm “nóng” nhất, các cơ quan pháp luật bao giờ cũng tự biết kiềm chế, kiên trì vận động, thuyết phục quần chúng tín đồ. Đã không có một vụ va chạm, xô xát nào dẫn đến đổ máu hay thương vong. Bởi chỉ những sơ xuất nhỏ thôi vào thời điểm “nóng” nhất có thể trở thành vấn đề lớn và tác hại thì thật khôn lường. Bởi các cơ quan thực thi pháp luật còn nhận thức được rằng, quần chúng tín đồ, tuyệt đại đa số là công dân tốt, vì một lý do

nào đó như bị kích động, bị tuyên truyền xuyên tạc, lôi kéo vào hành động bất hợp pháp. Nên việc chọn giải pháp kiên trì vận động thuyết phục được ưu tiên hàng đầu. Và thực tiễn giải quyết những vụ việc tôn giáo vừa qua đã chứng minh điều đó. Song, đối với những kẻ cầm đầu, với những người cực đoan cố tình vi phạm luật pháp thì kiên quyết xử lý theo pháp luật hiện hành nhưng lại lượng hình thể hiện tính nhân đạo của luật pháp Việt Nam.

Sau mỗi vụ việc xảy ra, các cơ quan thực thi giải quyết đều kịp thời rút ra những bài học kinh nghiệm, tìm hiểu rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan để nếu những vụ việc tương tự xảy ra sẽ giải quyết tốt hơn, chủ động hơn. Các phương tiện truyền thông đều kịp thời đưa tin cụ thể, trung thực, khách quan để tạo sự chia sẻ, đồng thuận trong xã hội để mọi người nhận chân vụ việc. Và nước ngoài cũng hiểu rõ bản chất vụ việc, tránh những nhận định sai lầm, làm phương hại đến mối quan hệ quốc tế của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực tự do tôn giáo và nhân quyền.

V - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY ĐỐI VỚI VIỆC GIẢI QUYẾT “VẤN ĐỀ CÔNG GIÁO”

1 - Về công tác tuyên truyền giáo dục
Tuyên truyền sâu rộng đường lối chính sách tôn giáo rộng mở của Đảng và Nhà nước ta; tuyên truyền những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước, trong đó có những đóng góp đáng kể của chức sắc, nhà tu hành và đồng bào Công giáo. Công việc cần được thực hiện thường xuyên, có biên soạn tài liệu để tuyên truyền.

Làm tốt công tác phổ biến, giáo dục các văn bản luật pháp về tôn giáo. Công việc cần thực hiện đến tận các xứ, họ đạo. Có thể tổ chức thành từng đợt nhân một sự kiện nào đó, đồng thời biên soạn tài liệu cấp cho tận thôn xã vùng đồng bào Công giáo sống tập trung để đồng bào có điều kiện tiếp xúc, học hỏi.

Công việc này cần có sự kết hợp giữa tổ chức chính quyền, dân vận, mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

2 - Thực hiện đối thoại và hợp tác
Xu thế đối thoại và hợp tác mà ngày nay thế giới đang thực hiện không chỉ ở lĩnh vực chính trị - kinh tế mà còn là xu thế của lĩnh vực tôn giáo trong đó có Công giáo.

Về đối thoại phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng sự thật, thẳng thắn cởi mở và xây dựng. Đối thoại được tổ chức theo từng cấp, Trung ương, địa phương, có thể theo định kì, cũng có thể khi sự việc tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo xảy ra thì tổ chức đối thoại.

Với đối thoại định kì, tùy theo cấp độ Trung ương hay tỉnh, thành... các ban, ngành chức năng đối thoại trực tiếp từng vấn đề để chủ động tháo gỡ. Việc đối thoại sẽ làm cho chức sắc tôn giáo và cơ quan công quyền thấu hiểu nhau, gần gũi nhau.

Về hợp tác
Thể hiện ở việc Nhà nước trên cơ sở ban hành văn bản về xã hội hóa còn tạo điều kiện cho Công giáo đóng góp nhiều hơn, hiệu quả hơn trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, từ thiện.

Chỉ khi Công giáo thực sự tham gia vào công việc xây dựng đất nước, họ mới nhận thức được vai trò của họ đối với đất

nước và việc đối thoại, hợp tác mới thực sự có hiệu quả.

Hợp tác với tôn giáo chính là phát huy nguồn lực xã hội và nguồn lực trí tuệ của tôn giáo vào việc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Và cũng để khắc phục một tình trạng đã từng diễn ra trước đây đó là nghiêng về xử lý các vụ việc.

3 - Củng cố và phát huy sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc. Đảng, Nhà nước ta luôn khẳng định đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Trong điều kiện các thế lực thù địch và phần tử cực đoan lợi dụng tôn giáo luôn tìm mọi biện pháp nhằm chia rẽ, kích động, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc thì việc chăm lo củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là vấn đề bức thiết thường xuyên.

Một trong những biện pháp mang tính chiến lược là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân mà Đại hội Đảng lần thứ VII đề ra.

Trước những vụ việc tôn giáo xảy ra phải hết sức bình tĩnh, tìm cho được “ngòi nổ”, tháo gỡ kịp thời; lấy vận động thuyết phục, hòa giải hòa hợp dân tộc làm chính. Cần có sự phân tích kỹ lưỡng những yếu tố chứa đựng bạo loạn với

những hành vi gây rối trật tự thông thường để có biện pháp giải quyết thích hợp; Tránh để cái xảy ra cái ung, bé xé ra to, tạo nên điểm nóng tôn giáo không cần thiết.

4 - Có một đường hướng ngoại giao phù hợp theo hướng cả ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân.

Trước hết là tiếp tục các bước thiết lập ngoại giao đầy đủ với Vatican. Điều này mang lại tiện ích cả về phía Nhà nước Việt Nam lẫn phía Giáo hội (Công giáo Rôma và Công giáo Việt Nam). Thực tế cho thấy cùng với việc tiến triển về mặt ngoại giao là sự tiến triển của người đứng đầu Giáo hội Công giáo Rôma và cũng là Nhà nước Vatican - Giáo hoàng đương nhiệm Benedicto XVI. Điều này thể hiện qua Huấn từ và Sứ điệp của Giáo hoàng với Giáo hội Công giáo Việt Nam. Huấn từ với Hội đồng Giám mục Việt Nam tháng 6/2009, nhắc nhở hàng giáo phẩm cũng có nghĩa là nhắc nhở Giáo hội Công giáo Việt Nam: “Anh em cũng như tôi đều biết rằng, một sự hợp tác lành mạnh giữa Giáo hội và cộng đồng chính trị là điều có thể thực hiện được. Về điều này, Giáo hội mời gọi mọi phần tử của mình dần dần cách trung thành nhằm xây dựng một xã hội công bằng, liên đới và bình đẳng. Giáo hội không hề muốn thay đổi chính quyền, nhưng chỉ mong rằng trong tinh thần đối thoại và hợp tác tôn trọng nhau. Giáo hội có thể góp phần vào đời sống của đất nước, nhằm phục vụ tất cả mọi người dân”. Hoặc: “Anh chị em giáo dân phải chứng tỏ là người Công giáo tốt cũng là người Công dân tốt”.

Sứ điệp của Giáo hoàng gửi Giáo hội Công giáo Việt Nam, nhân dịp khai mạc Năm Thánh 2010 có đoạn: “Chúng ta nên nhìn nhận sai lầm của chúng ta đã phạm trong quá khứ và hiện tại, đối với anh em đồng đạo và anh em đồng bào và xin mọi người tha thứ”.

Ngoại giao tôn giáo Nhà nước cũng cần được đẩy mạnh với các nước khu vực và trên thế giới đặc biệt là với Mỹ, Cộng đồng Châu Âu... để các quốc gia này hiểu rõ thực chất vấn đề tự do tôn giáo và nhân quyền ở Việt Nam, tránh hiểu lầm hoặc xuyên tạc sự thật.

Về ngoại giao nhân dân, trong thập niên vừa qua Đảng và Nhà nước đã làm tốt công việc này. Trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh hơn. Tăng cường hơn các đoàn ngoại giao nhân dân hỗn hợp gồm chức sắc, nhà tu hành tôn giáo, trí thức tôn giáo và các nhà nghiên cứu tôn giáo của Nhà nước đến làm việc, giao lưu và tuyên truyền nói rõ sự thật về tự do tôn giáo ở Việt Nam với nước ngoài. Đồng thời tăng cường hợp tác, nghiên cứu tôn giáo với nước ngoài để họ có dịp vào Việt Nam “mắt thấy, tai nghe” một cách cụ thể và sát hợp.

5 - Đa dạng các hình thức động viên khen thưởng đối với giáo sĩ, nhà tu hành và giáo dân.

Những giám mục, linh mục, giáo dân có công với Tổ quốc sẽ được tôn vinh, tặng thưởng và có thể đặt tên họ cho những con đường.

Hàng năm hoặc trong một vài năm nhất định Nhà nước mở hội nghị tuyên dương chức sắc, nhà tu hành, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo. Tuyên truyền, biểu

dương kịp thời những người có công với đất nước. Làm như vậy sẽ khơi dậy được tinh thần dân tộc, trách nhiệm công dân của chức sắc, tín đồ.

Củng cố ủy ban Đoàn kết Công giáo từ Trung ương đến địa phương. Tạo vị thế cho tổ chức này hoạt động theo nguyên tắc là cầu nối tôn giáo với Nhà nước. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo 4 cấp. Có chính sách ưu tiên cho ủy ban tham gia nhiều hơn vào công việc xã hội hóa để ủy ban có những đóng góp thiết thực.

6 - Tiếp tục hoàn thiện văn bản pháp luật về tôn giáo. Trước mắt là bổ sung, sửa đổi một số điều quan trọng trong Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 22 của Chính phủ: Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Bởi trên thực tế, qua 7 năm thực hiện đã và đang bộc lộ một số bất cập.

7 - Về công tác tôn giáo: Nhà nước cần ổn định cơ cấu, cơ chế cho một tổ chức quản lý Nhà nước về tôn giáo từ Trung ương đến địa phương. Có chính sách đào tạo, đãi ngộ cán bộ làm công tác tôn giáo để có được một đội ngũ chuyên nghiệp vững về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được tình hình. Nhà nước cần có những chương trình nghiên cứu cơ bản và những chuyên đề sâu về Công giáo.

Trên đây là những vấn đề đặt ra hiện nay đối với việc giải quyết “vấn đề Công giáo”. Có thể còn có những vấn đề khác nữa, song những gì mà chúng tôi đề cập ở phần trên, theo quan niệm của chúng tôi là căn cốt./.